

Số: 533b/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Quản lý nhà nước

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản mô tả Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý nhà nước, mã số: 7310205 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Chính trị học và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa Chính trị học.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(Ban hành theo Quyết định số 533b/QĐ-HVTTNVN ngày 17 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Quản lý nhà nước

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of State Management

+ Mã số ngành đào tạo: 7310205

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo chuẩn khoá học: 4 năm

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân

- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo

“Trách nhiệm, chuyên nghiệp, phục vụ”

Chương trình đào tạo của ngành Quản lý nhà nước xoay quanh ba trụ cột *“Trách nhiệm, chuyên nghiệp, phục vụ”*, các học phần được xây dựng hướng tới thực hiện triết lý này một cách thực chất.

Trong bối cảnh hướng tới quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả, mỗi cán bộ, công chức phải nêu cao tính trách nhiệm trong thực thi công vụ; dám nghĩ, dám làm, không né tránh; sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Làm tốt trách nhiệm, bổn phận với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức cần được đào tạo, bồi dưỡng bài bản cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; thái độ trong thực thi công vụ một cách chuyên nghiệp để có đủ năng lực đáp ứng theo tiêu chuẩn chức danh công chức và yêu cầu của vị trí việc làm trong cơ quan nhà nước.

Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước từ nay đến 2030 xác định

cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp. Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước các cấp. Vì vậy, mỗi cán bộ, công chức khi thi hành công vụ phải ý thức được tính chất công việc mình đang thực hiện là phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc.

2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; trang bị các kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp trong quản lý nhà nước. Rèn luyện tư duy phản biện về các vấn đề thực tiễn trong quản lý nhà nước; hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có trí tuệ và đạo đức nghề nghiệp trong sáng nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

2.3. Các mục tiêu cụ thể

2.3.1. Mục tiêu về kiến thức

PO1: Có kiến thức về khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, pháp luật; kiến thức quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, kiến thức về tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh niên.

PO2: Có kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu sử dụng máy tính, truy cập, khai thác, soạn thảo văn bản quản lý nhà nước bằng các phần mềm thông dụng phục vụ học tập và nghiên cứu.

2.3.2. Mục tiêu về kỹ năng

PO3: Có các kỹ năng chuyên môn về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, có nghiệp vụ tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước, nghiệp vụ xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền nhà nước, nghiệp vụ quản lý nguồn nhân lực khu vực công.

PO4: Có kỹ năng thực hiện trình tự, thủ tục hành chính trong giải quyết các công việc cần thiết, có nghiệp vụ hành chính văn phòng, tổ chức điều hành công sở, giao tiếp công vụ, lập kế hoạch, nghiệp vụ cải cách hành chính...

PO5: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng văn hóa.

2.3.3. Mục tiêu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: Giúp người học có đạo đức, trách nhiệm, liêm chính trong thực thi nhiệm vụ, tinh thần luôn sẵn sàng phục vụ nhân dân và tổ quốc khi cần.

PO7: Trang bị cho người học kỹ năng tự nghiên cứu hiệu quả để có thể tự học tập nhằm nâng cao kiến thức và năng lực ở trình độ cao hơn.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

và Đề án tuyển sinh đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam công bố đầu năm dương lịch.

- Hình thức tuyển sinh: Hình thức tuyển sinh: Tuyển thẳng, xét học bạ và theo kết quả thi tốt nghiệp THPT với các tổ hợp theo đề án tuyển sinh của Học viện hằng năm.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 300

- Chỉ tiêu: 150

- Hình thức đào tạo: Chính quy - tập trung

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra về Kiến thức

PLO1: Vận dụng được những hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; Các kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kinh tế học để hình thành phương pháp luận, tư duy khoa học làm nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu kiến thức chuyên ngành

PLO2: Áp dụng được những kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, quản lý Nhà nước; trình tự, thủ tục hành chính trong giải quyết các công việc cần thiết; tổ chức bộ máy, quản lý nguồn nhân lực, đạo đức công vụ và cơ chế vận hành trong quản lý nhà nước

PLO3: Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: kinh tế; xã hội; khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường; nông nghiệp, nông thôn; tổ chức phi chính phủ; công tác thanh thiếu nhi; dịch vụ công...

PLO4: Áp dụng được các nghiệp vụ về xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước; xây dựng tổ chức chính quyền nhà nước, nghiệp vụ quản lý nguồn nhân lực khu vực công; nghiệp vụ hành chính văn phòng; tổ chức và điều hành công sở, lập kế hoạch trong quản lý nhà nước; nghiệp vụ cải cách hành chính, kiểm soát trong hành chính nhà nước.

4.2. Chuẩn đầu ra về Kỹ năng

PLO5: Thực hiện được việc đánh giá, tham mưu, phản biện xã hội trong thực hiện chính sách; Xử lý các tình huống phát sinh trong quản lý nhà nước gắn với đổi mới tư duy lãnh đạo nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội; tổng hợp thông tin phục vụ hoạt động lãnh đạo trong quản lý nhà nước.

PLO6: Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp trong xử lý các công việc nội bộ tại cơ quan nhà nước như lập kế hoạch, soạn thảo văn bản hành chính, tổ chức phối hợp, điều hành, kiểm soát, ra quyết định, tạo động lực làm việc, cải cách hành chính

PLO7: Thành thạo kỹ năng giao tiếp công vụ, truyền thông, xử lý các tình huống chính trị để giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước, chính quyền với tổ chức,

công dân.

PLO8: Thành thạo kỹ năng, nghiệp vụ trong tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên.

PLO9: Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT).

PLO10: Đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

4.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Thực hiện đúng chuẩn mực về tư tưởng đạo đức lối sống, quy chế dân chủ ở trong nhà trường. Có tính trung thực, đoàn kết cao trong hoạt động quản lý nhà nước.

PLO12: Tiếp nhận được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học suốt đời.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp đại học ngành Quản lý nhà nước có thể đảm nhiệm công việc tại các vị trí việc làm sau:

- Công chức, viên chức hành chính làm việc trong các đơn vị Văn phòng, Hành chính, quản trị, Tổng hợp, Văn thư lưu trữ, Tổ chức – cán bộ, Bộ phận một cửa, cải cách hành chính...trong các cơ quan cơ quan nhà nước ở trung ương: Quốc hội, Chính phủ, Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Và các cơ quan nhà nước ở địa phương: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; các Sở, phòng, Ban trực thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Các chức danh công chức cấp xã: công chức văn phòng, thống kê; văn hóa xã hội.

- Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam từ trung ương đến địa phương.

- Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến địa phương (Công đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh...)

- Nhân viên hành chính, văn phòng, tổ chức nhân sự tại tất cả các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

- Giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, Quản lý nhà nước trong các Trường Bồi dưỡng của Bộ ngành. Đoàn thể của trung ương; Các trường chính trị tỉnh, thành phố; Trung tâm chính trị cấp huyện; giảng viên giảng dạy các môn khoa học chính trị, quản lý công tại các trường đại học, cao đẳng.

6. Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, chưa kể học phần giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC).

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

+ Giáo dục đại cương: 41 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 37 tín chỉ, các học phần tự chọn là 04 tín chỉ

+ Cơ sở ngành: 37 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 33 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ

- Tỷ lệ tín chỉ thực hành, thực tập/tổng số tín chỉ là: 28,3%

6.2. Khung chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (41 tín chỉ) – không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)			
1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1	CT1101	Triết học Mác - Lênin	3
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	CT1104	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.2. Khoa học xã hội (15 tín chỉ)			
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2
8	CT1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

9	CT1109	Khoa học quản lý	2
10	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2
11	TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3
12	TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2
1.3. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)			
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3
14	CB1114	Tiếng Anh 2	3
1.4. Tin học - Khoa học tự nhiên (5 tín chỉ), giáo dục thể chất, quốc phòng -an ninh			
15	CB1112	Tin học đại cương	3
16	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2
17	CB1121	Giáo dục thể chất	3
18	CB1122	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
1.5. Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần, 4 tín chỉ)			
19	CB1117	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
20	CB1118	Vũ Quốc tế	2
21	NN1119	Môi trường và phát triển bền vững	2
22	CT1120	Logic học đại cương	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (79 tín chỉ)			
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (37 tín chỉ)			

2.1.1. Kiến thức cơ sở khối ngành bắt buộc (33 tín chỉ)			
23	L12021	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3
24	Đ12022	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2
25	L12023	Luật Hiến pháp	3
26	Đ12024	Chính trị học đại cương	2
27	NN12025	Tổng quan về chính sách công	2
28	NN12026	Quản lý hành chính nhà nước	3
29	NN12027	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	2
30	NN12028	Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước	3
31	NN12029	Đạo đức công vụ	2
32	NN12030	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	3
33	NN12031	Khoa học tổ chức	2
34	NN12032	Kinh tế học	2
35	NN12033	Chính phủ điện tử	2
36	CB12035- NN	Tiếng Anh 3	2
2.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành tự chọn (chọn 2/4 học phần, 4/8 tín chỉ)			
37	L12034	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2
38	NN12034	Lễ tân Nhà nước	2
39	NN12035	Lịch sử hành chính	2

40	CT12035	Kinh tế phát triển	2
2.2. Kiến thức của ngành (26 tín chỉ)			
2.2.1. Kiến thức bắt buộc (22 tín chỉ)			
41	NN13037	Tổ chức và điều hành công sở	2
42	NN13038	Thủ tục hành chính	2
43	NN13039	Quản lý nhà nước về kinh tế	2
44	NN13040	Quản lý nhà nước về dịch vụ công	2
45	NN13041	Quản lý nhà nước về xã hội	3
46	NN13042	Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ	2
47	Đ13043	Xử lý tình huống chính trị	2
48	NN13044	Quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường	2
49	NN13045	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	3
50	NN13049	Giao tiếp công vụ	2
2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần, 4 tín chỉ)			
51	NN13050	Quản trị địa phương	2
52	NN13051	Tạo lập môi trường và động lực làm việc trong khu vực công	2
53	NN13052	Kiểm soát trong quản lý hành chính nhà nước*	2
54	NN13053	Cải cách khu vực công	2
55	NN13054	Lập kế hoạch trong quản lý nhà nước*	2

2.3. Thực tập nghề nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Khóa luận và tương đương (16 tín chỉ)

56	NN14047	Thực tập nghề nghiệp lần 1	3
57	NN14048	Thực tập nghề nghiệp lần 2	3
58	NN14055	Thực tập tốt nghiệp	4
59	NN15056	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần trong khối kiến thức tự chọn mà sinh viên chưa học thay thế khoá luận tốt nghiệp	6

6.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)

HỌC KỲ 1			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Triết học Mác-Lênin	3	Không
2	Khoa học tổ chức	2	Không
3	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	Không
4	Tin học	3	Không
5	Xã hội học	2	Không
6	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	Không
Tổng		15	
HỌC KỲ 2			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Triết học Mác-Lênin
2	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Không

3	Tâm lý học đại cương	2	Không
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
5	Khoa học quản lý	2	Khoa học tổ chức
6	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương	2	Không
7	Đạo đức công vụ	2	Không
Tổng		15	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3-4)

HỌC KỲ 3			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Triết học Mác- Lênin
2	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên
3	Thống kê trong khoa học xã hội	2	Không
4	Quản lý hành chính nhà nước	3	Khoa học quản lý
5	Kinh tế học	2	Kinh tế chính trị
6	Luật Hiến pháp	3	Lý luận về nhà nước và pháp luật
7	Tiếng Anh 1	3	Không
Tổng		17	
HỌC KỲ 4			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Không
2	Tiếng Anh 2	3	Tiếng anh 1

3	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	2	Quản lý hành chính nhà nước
4	Chính trị học đại cương	2	Không
5	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	3	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
6	Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước	3	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
7	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành	2	Không
8	Thực hành nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước 1	3	Nghiệp vụ hành chính văn phòng, Xây dựng ban hành văn bản hành chính nhà nước
Tổng		20	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5-6)

HỌC KỲ 5			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
2	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	3	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước
3	Tổ chức và điều hành công sở	2	Nghiệp vụ hành chính văn phòng
4	Thủ tục hành chính	2	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng ban hành văn bản hành chính nhà nước
5	Quản lý nhà nước về xã hội	3	Quản lý hành chính nhà nước
6	Tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh 1,2
7	Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ - tài nguyên và môi trường	2	Quản lý hành chính nhà nước
Tổng		16	

HỌC KỲ 6			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	Kinh tế học; Quản lý hành chính nhà nước
2	Quản lý nhà nước về dịch vụ công	2	Quản lý hành chính nhà nước
3	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	Chính trị học đại cương
4	Quản lý nhà nước về tổ chức phi chính phủ	2	Quản lý hành chính nhà nước
5	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành	2	Không
6	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương	2	Không
7	Chính phủ điện tử	2	Quản lý hành chính nhà nước Tin học đại cương
8	Thực hành nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước 2	3	Các học phần quản lý nhà nước về ngành lĩnh vực
Tổng		17	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7-8)

HỌC KỲ 7			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành	2	Không
2	Tổng quan về chính sách công	2	Quản lý hành chính nhà nước
3	Xử lý tình huống chính trị	2	Chính trị học đại cương; Quản lý hành chính nhà nước

4	Giao tiếp công vụ	2	Tổ chức điều hành công sở; Đạo đức công vụ
5	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành	2	Không
Tổng		10	
HỌC KỲ 8			
TT	Số tín chỉ	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Thực tập tốt nghiệp	4	Hoàn thành kiến thức giáo dục chuyên ngành
2	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần trong khối kiến thức tự chọn mà sinh viên chưa học thay thế khoá luận tốt nghiệp	6	Theo quy định của Học viện; Theo đề cương học phần
Tổng		10	

6.4. Về tổ chức đào tạo tiếng Anh

Theo Quy định của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

6.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Cụ thể:

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a. Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
 - b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
 - c. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh; các học phần Giáo dục thể chất; chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định của Học viện;
 - d. Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
 - đ. Tại thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - d. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Giám đốc Học viện quy định;

e. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Hằng năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp cho các sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được uỷ quyền làm Chủ tịch, Phó Giám đốc làm Phó Chủ tịch, phòng Đào tạo làm Thư ký; thành viên là các trưởng khoa và Phó trưởng phòng Đào tạo phụ trách công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ với Học viện.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

STT	Phương pháp dạy học	Mô tả
1	Phương pháp thuyết trình	Thuyết giảng là phương pháp dạy - học bằng lời nói của giảng viên để trình bày kiến thức mới, tổng kết những kiến thức mà sinh viên đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Phương pháp này cho phép giảng viên truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà sinh viên khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc. Phương pháp thuyết giảng được sử dụng chủ yếu trong giờ học lý thuyết và được đan xen với các phương pháp giảng dạy khác để đạt được hiệu quả truyền đạt cao nhất.
2	Phương pháp bài tập	Bài tập là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên giao bài tập cho sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập. Bài tập có thể là những câu hỏi vận dụng lý thuyết đã học để giúp cho sinh viên củng cố kiến thức hoặc yêu cầu nghiên cứu một hoặc một vài chủ đề thuộc nội dung đã học hoặc sẽ học trong giờ lên lớp tiếp theo. Bài tập có thể được thiết kế dưới dạng tình huống giả định, trắc nghiệm, câu hỏi tự luận để kích thích sự hào hứng của sinh viên.
3	Phương pháp làm việc nhóm	Làm việc nhóm là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức sinh viên thành các nhóm nhỏ (5-7 người) hoặc sinh viên tự tổ chức các nhóm học tập để ôn tập, nghiên cứu, làm bài tập...

		Mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập, vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập. Phương pháp làm việc nhóm đề cao tinh thần hợp tác, khả năng tổ chức, điều hành, phát triển nhóm, hình thành thái độ chuyên nghiệp khi làm việc tập thể, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho sinh viên; giúp cho giảng viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.
4	Phương pháp thảo luận	Thảo luận là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa sinh viên với nhau hoặc giữa sinh viên với giảng viên hoặc cả hai cách thức trên nhằm huy động trí tuệ của sinh viên để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp sinh viên khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.
5	Phương pháp thực hành	Thực hành là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên làm mẫu và giải thích từng bước thực hiện một công việc cụ thể; sinh viên bắt chước làm theo, thực hiện với tài liệu hướng dẫn, thực hiện thành thạo và sáng tạo. Phương pháp này củng cố trí nhớ, tinh lọc và trau chuốt các kỹ năng đã học, tạo cơ sở cho việc xây dựng kỹ năng nhận thức ở mức độ cao hơn.
6	Phương pháp nghiên cứu tình huống	Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy - học trong đó giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống cụ thể, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như tăng tính thực tiễn của môn học, nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của sinh viên. Khi thực hiện phương pháp này, giảng viên có thể chia lớp học theo các nhóm quan điểm và đề nghị các nhóm phản biện, bảo vệ quan điểm trong khi giảng viên đóng vai trò trọng tài. Kết thúc phần nghiên cứu tình huống, giảng viên có thể nêu quan điểm của mình và giải đáp những vấn đề mà các nhóm/cá nhân đưa ra liên quan đến tình huống. Để tăng tính thực tiễn, giảng viên có thể sử dụng bản án để thực hiện phương pháp dạy - học này.

7	Phương pháp vấn đáp	Vấn đáp là phương pháp hỏi đáp trong dạy học, trong đó giảng viên đặt ra câu hỏi, kích lệ và gợi mở để sinh viên dựa vào kiến thức đã học mà trả lời nhằm rút ra những kiến thức mới hoặc củng cố kiến thức cũ. Phương pháp này phát huy sự tiếp thu một cách chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên bằng cách yêu cầu họ phải vận dụng các thao tác logic trong tư duy. Phương pháp vấn đáp trong dạy – học ngành luật phải hướng tới sự đàm thoại hai chiều, hình thành tư duy phản biện độc lập, biết cách lập luận và bảo vệ quan điểm, hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng, lời cuốn và tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học.
8	Phương pháp tự học	Tự học là hình thức tổ chức dạy - học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.
9	Phương pháp thực tập nghề nghiệp trong các cơ quan nhà nước	Thực tập là phương pháp dạy - học trong đó người học thực hiện một hoặc một nhóm công việc cụ thể tại một đơn vị sử dụng lao động, người phụ trách thực tập quan sát, hướng dẫn và nhận xét chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc của người học. Thực tập tạo cơ hội cho người học áp dụng những kiến thức đã học trong trường, tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn công việc pháp lý, qua đó rèn luyện kỹ năng nghề luật, góp phần hình thành định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân. Trong tổ chức phương pháp thực tập, sinh viên luật được đăng ký đi thực tập tại các cơ quan nhà nước tại trung ương và chính quyền địa phương các cấp, các đơn vị tổ chức, hành chính trong các cơ quan thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội. Sinh viên tổng hợp hoạt động thực tập

		của mình thành nhật kí và viết báo cáo thực tập để nhà trường kiểm tra, đánh giá.
--	--	---

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ chuyên cần trong học tập của sinh viên, tham gia đủ 80% thời gian lên lớp Tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	10%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	
4	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức, kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thuyết trình.	20%
5	Bài thi kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (thi viết, trắc	60%

		nghiệm, tiểu luận), thi vấn đáp. Thời gian: 60 phút đến 90 phút tùy theo các học phần.	
--	--	--	--

8. Đội ngũ giảng viên, nhân viên

Các Khoa Bộ môn: Học viện thành lập đảm bảo đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các học phần thuộc kiến thức đại cương, tối thiểu khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng chương trình đào tạo (tính theo giờ chuẩn của giảng viên), trong đó mỗi bộ môn/khoa có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu; ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

Học viện đảm bảo đủ các phòng học lý thuyết, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu các học phần.

Học viện ký biên bản hợp tác với các cơ quan, đơn vị để gửi sinh viên đến thực tập, các cơ sở thực hành cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Thư viện của Học viện có diện tích 300m², trong đó:

- Diện tích phòng đọc: 265m²
- Số chỗ ngồi: 60 ghế
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 04 máy, có kết nối Internet
- Phần mềm quản lý thư viện: Ilibme
- Phần mềm tra cứu văn bản: Cloud Office
- Số lượng sách, giáo trình các loại: 58.611 cuốn
- Số đầu giáo trình dùng cho chương trình đào tạo ngành QLNN: 72 cuốn

10. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin Phylosophy Marx - Lenin MHP: CT1101	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học của HVTTN VN. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện

		chúng và phương pháp luận biện chứng duy vật; xây dựng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xây dựng được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxism – Leninism Political Economics MHP: CT1102	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của học thuyết Kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác-Lênin về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong phương thức sản xuất TBCN; về những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; hình thành kỹ năng tư duy, tầm nhìn của người học khi tham gia vào hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội. Sinh viên có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái và tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism MHP: CT1103	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác- Lênin và là một trong những môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các ngành ở Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sau khi học xong học phần, người học có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, tích cực đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party MHP: CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc các môn lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần gồm 3 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về sự ra đời của Đảng; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, giúp người học nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Thoughts	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc các môn lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần gồm 7 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh: nguồn gốc, quá trình hình thành

	MHP: CT1105	tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần hình thành nhân sinh quan, thế giới quan, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng, bồi dưỡng niềm tin, tình cảm cách mạng, tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam.
6	Tâm lý học đại cương General psychology MHP: XH 1106	Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	Xã hội học đại cương Introduction of Sociology MPH: XH1107	Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1, những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học Research methodology MHP: CT 1108	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Bản chất của khoa học và nghiên cứu khoa học; phương pháp luận nghiên cứu khoa học; các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học; trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản trong việc nghiên cứu khoa học, các phương pháp để viết một đề cương nghiên cứu khoa học chi tiết hoặc khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, học phần cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin để tham khảo tài liệu một cách có hệ thống và logic. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường cũng như tiến hành khóa luận tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.

9	Khoa học quản lý Management Science MHP: CT1109	Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng đắn khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức.
10	Thống kê trong khoa học xã hội Statistics in social sciences MHP: CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.
11	Khởi nghiệp trong thanh niên Entrepreneurship among Youth MHP: CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
12	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung

	niên Theory and Methods of youth work MHP: TN1115	cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu nhi. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
13	Kỹ năng Tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên Skills in organizing youth activities MHP: TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi; chức năng, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của kỹ năng này. Sinh viên biết phân tích cấu trúc kỹ năng tổ chức các hoạt động, vận dụng thành thực các kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức các hoạt động, qua đó có thái độ phù hợp trách nhiệm, chuyên nghiệp, tâm huyết, sáng tạo, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
14	Tin học đại cương General information technology MHP: CB 1112	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
15	Tiếng Anh 1 English 1 MHP: CB1113	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
16	Tiếng Anh 2 English 2 MHP: CB1114	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh

		viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.
17	Vũ Quốc tế International Dance MHP: CB1118	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
18	Môi trường và phát triển bền vững Environment and sustainable development MHP: NN 1119	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về môi trường, các vấn đề môi trường toàn cầu và ở Việt Nam hiện nay. Làm rõ hai mô hình phát triển bền vững và phát triển không bền vững đang được duy trì trên thế giới. Học phần cũng tập trung làm sáng tỏ những vấn đề về môi trường và phát triển bền vững ở hai vùng kinh tế sinh thái cơ bản là nông thôn và đô thị. Từ đó giúp sinh viên nhận diện được 6 cản trở cản khác phục để hướng tới phát triển bền vững và định hướng chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại Việt Nam.
19	Logic học đại cương General Logic MHP: CT1120	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để hiểu biết về tư duy một cách có hệ thống, sâu sắc và toàn diện. Hiểu được đối tượng của khoa học lôgic học đại cương, về vị trí, vai trò ; ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học tập môn học này. Hình thành và rèn luyện kỹ năng tư duy lôgic một cách chặt chẽ, chính xác, đúng đắn, khoa học tiến đến xây dựng văn hoá tư duy. Nhận dạng được những dạng lỗi lôgic của tư duy. Xử lý được các tình huống trong nhận thức và hoạt động thực tiễn khi tư duy phải tuân thủ các quy luật lôgic. Xây dựng phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn. Rèn luyện kỹ năng tư duy, biết bảo vệ những tư tưởng đúng, tăng khả năng nhận thức, khám phá của con người đối với thế giới.
20	Cơ sở văn hóa Việt Nam Basic Vietnamese Culture MHP: CB1117	Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức cơ bản về sự hình thành, phát triển của nền văn hóa Việt Nam bao gồm các khái niệm cơ bản của văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên và xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa; cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa) Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử đến nay; Không gian văn hóa Việt Nam các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ.
	Chính trị học đại cương	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng,

21	General political science MHP: Đ12024	phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam.
22	Lý luận về nhà nước và pháp luật Theory of State and law MHP: L12021	Lý luận nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Luật, Quản lý nhà nước, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật; Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; các khái niệm, hiện tượng pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, giải thích pháp luật, điều chỉnh pháp luật...
23	Luật Hiến pháp Law of Constitution MHP: L12023	Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Luật, ngành Quản lý nhà nước, ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các nhóm vấn đề: Những vấn đề lí luận cơ bản về luật Hiến pháp và khoa học Luật hiến pháp; Chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước ở Trung ương và địa phương...
24	Lịch sử hành chính Administration's History MHP: NN 12035	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cách phân chia và sắp xếp các đơn vị hành chính ở TW và địa phương; sự phân vùng địa giới lãnh thổ; cách thức tổ chức vận hành của bộ máy cai trị; chế độ quan chức; các chính sách cai trị của Nhà nước qua từng thời kỳ đặc biệt là các diễn biến cải cách, thay đổi hành chính trong từng thời đại. Học phần được chia làm 3 phần HC Việt nam từ thời đại dựng nước của các vua Hùng đến thế kỷ thứ X; Hành chính nhà nước thời kỳ xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến; Hành chính nhà nước từ cách mạng tháng Tám đến nay.
25	Kinh tế học Economics MHP: NN12032	Sinh viên nắm được những vấn đề chung nhất của Kinh tế học, những vấn đề cơ bản của Kinh tế học vĩ mô. Những vấn đề về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, mục tiêu của kinh tế vĩ mô; Các thước đo và phương pháp xác định thành tựu của nền kinh tế; Tổng cung, tổng cầu; Các chính sách tài khóa, tiền tệ; lạm phát, thất nghiệp và các chính sách kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở. Sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích các khái niệm; vẽ và trình bày các biểu đồ, đồ thị; phân tích nội dung và khả năng vận dụng các chính sách kinh tế vĩ mô; biết liên hệ những kiến thức vào giải thích một số hiện tượng kinh tế ở

		trong nước và quốc tế. Có thái độ nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu những vấn đề kinh tế vĩ mô; Tin tưởng vào đường lối quan điểm, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.
26	Quản lý hành chính nhà nước State administrative Management MHP: NN12026	Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về hành chính nhà nước, giới thiệu cơ cấu tổ chức hành chính nhà nước; chức năng, phương pháp, hình thức hoạt động và sự vận hành các cơ quan hành chính nhà nước nhằm thực hiện quyền hành pháp. Cung cấp các kiến thức chung về thể chế hành chính nhà nước; các yếu tố tác động đến thể chế hành chính nhà nước; chủ thể và cơ chế kiểm soát đối với cơ quan hành chính nhà nước; cải cách hành chính nhà nước. Trang bị các kiến thức về bản chất, tính chất của các quyết định quản lý hành chính nhà nước, quy trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định quản lý hành chính nhà nước. Môn học giúp người học Rèn tập khả năng phân tích, đánh giá sự thực hiện chức năng của chủ thể HCNN trong thực hiện quyền hành pháp. Rèn tập kỹ năng xây dựng, thực hiện quyết định quản lý hành chính. Qua đó giúp sinh viên có ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Nhà nước, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm và vai trò của bản thân đối với công cuộc cải cách hành chính nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.
27	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước State Administrative Apparatus MHP: NN12027	Học phần giới thiệu và trang bị kiến thức chung về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong tổng thể bộ máy nhà nước. Cung cấp kiến thức về cấu trúc, chức năng, hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương cũng như tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, Trên cơ sở đó vận dụng vào các quy định pháp lý hiện hành quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay để hiểu cách vận hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương, góp phần xây dựng bộ máy quản lý khoa học, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của quản lý hành chính nhà nước.
28	Đạo đức công vụ Public service Ethics MHP: NN12029	Học phần trang bị những hệ thống lý luận cơ bản về đạo đức như khái niệm, vai trò đạo đức; những khía cạnh liên quan đến đạo đức cá nhân, đạo đức tổ chức và đạo đức xã hội; nội dung đạo đức công vụ. Hiểu rõ được bản chất cơ bản của đạo đức nghề nghiệp và chân giá trị của nghề nghiệp. Trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật liên quan đạo đức, coi đó như là chuẩn mực đạo đức tối thiểu phải có để từ đó xây dựng cho mình chuẩn mực cao hơn. Người học biết vận dụng các chuẩn mực về đạo đức công vụ để rèn luyện cá nhân. Vận dụng những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề nghiệp cho hoạt động của người làm việc cho nhà nước khi thực thi những nghề đó trong khu vực nhà nước và khu vực tư nhân.
	Tổng quan về chính	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức mang tính lý

29	sách công Introduction to the Public Policy MHP: NN12025	luận về chính sách công bao gồm quan niệm, phân loại, vai trò và đặc điểm của chính sách công; Giới thiệu về chu trình chính sách công gồm Hoạch định chính sách công, thực thi chính sách công và đánh giá chính sách công; các phương pháp tiếp cận chính sách công và những yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của chính phủ trong can thiệp vào thị trường bằng chính sách công... Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên động cơ, thái độ và ý thức tích cực, đúng đắn khi học và tham gia vào các quá trình chính sách công.
30	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công Public Human Resources Management MHP: NN12030	QLNNL trong khu vực công là môn học trực tiếp nhất trong việc trang bị một cách tổng hợp những kiến thức chung nhất về quản lý nguồn nhân lực trong các cơ quan quản lý hành chính nhà nước như kế hoạch hóa nguồn nhân lực, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức. Vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các công việc cụ thể có liên quan đến nhân sự tại các cơ quan, đơn vị nhà nước trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực có liên quan. Giúp sinh viên giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức hành chính nhà nước và các tổ chức khác. Rèn luyện ý thức của công dân trong đời sống xã hội cũng như trong hoạt động quản lý nhân sự hành chính nhà nước nói chung.
31	Khoa học tổ chức organizational science MHP: NN12031	Học phần trang bị cho người học hệ thống tri thức về tổ chức, khoa học tổ chức và các quy luật của tổ chức để có được nhận thức đúng đắn về quá trình phát sinh, hình thành, tồn tại, biến đổi, phát triển và bản chất của tổ chức. Mô tả các thành tố cơ bản cấu thành cấu trúc tổ chức. Trang bị lý thuyết về phân tích và thiết kế tổ chức nói chung và tổ chức hành chính nhà nước nói riêng. Từ đó, có thể tư vấn cho các nhà quản lý trong việc phân tích, đánh giá chỉnh thể tổ chức, xây dựng các thành tố của tổ chức và thiết kế tổng thể tổ chức.
32	Pháp luật về phòng chống tham nhũng Anti – Corruption Laws MHP: L12034	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của ngành Luật và ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho sinh viên ngành luật hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về khái niệm, đặc điểm của các hành vi tham nhũng; nguyên nhân, tác hại của tham nhũng; nội dung và vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng; các biện pháp phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, học phần tập trung nghiên cứu hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng.
33	Kinh tế phát triển Economic Development	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về những lý luận chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế. Hiểu được những vấn đề cốt lõi mà các nước đang phát triển luôn cần phải quan tâm giải quyết nhất là các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất

	MHP: CT12035	như lao động, vốn, khoa học-công nghệ, tài nguyên thiên nhiên... Sinh viên rèn khả năng đánh giá các điều kiện của quá trình phát triển kinh tế, tìm ra những vấn đề mang tính quy luật, những xu hướng cơ bản của quá trình chuyển đổi một nền kinh tế từ trạng thái phát triển thấp sang trạng thái phát triển cao hơn. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của học phần vào giải thích các hiện tượng kinh tế của một số nền kinh tế đang phát triển như ở Việt Nam.
34	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị The party leads theo political system MHP: D12022	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nội dung và phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị. Cụ thể, Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Bên cạnh đó học phần làm sâu sắc nội dung và phương thức Đảng lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị cấp cơ sở.
35	Tiếng Anh 3 English 3 MHP: CB12035 – NN	Cung cấp cho sinh viên một khối lượng từ chuyên ngành phổ biến, giúp sinh viên đọc hiểu, ghi nhớ những từ ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh thông qua nhiều dạng bài tập do giảng viên thiết kế. Với lượng thuật ngữ được cung cấp, sinh viên có thể đọc hiểu các bài viết, dịch xuôi và dịch ngược những nội dung đơn giản liên quan đến chuyên ngành Quản lý Nhà nước. Sinh viên biết cách khai thác tài liệu cho một khoá học, biết cách trình bày một vấn đề hay một quan điểm liên quan đến chuyên ngành bằng tiếng Anh thông qua thuyết trình, sắm vai, v.v... Môn học tập trung vào các kỹ năng chính là đọc hiểu, dịch thuật, nghe nói. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện các kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng phối hợp làm việc nhóm hướng đến hoàn thành một công việc, nhiệm vụ; kỹ năng trình bày một vấn đề trước lớp; kỹ năng soạn thảo và sắp xếp ý tưởng trong việc xây dựng bài tập cho môn học; v.v... Người học được rèn luyện để có thái độ nghiêm túc, tự giác, tích cực trong học tập và nghiên cứu, có thái độ hợp tác với các thành viên khác trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ, có tinh thần tự hoàn thiện bản thân.
36	Lễ tân nhà nước State Reception MHP: NN12034	Học phần cung cấp kiến thức về lễ tân cơ bản, vai trò, nội dung của công tác lễ tân. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học về lễ tân nhà nước để bước đầu nhìn nhận, đánh giá về lễ tân nhà nước Việt Nam hiện nay. Từ đó, sinh viên có được những tiền đề cần thiết để vận dụng kiến thức lĩnh hội được vào quá trình công tác sau này tại các cơ quan, tổ chức nhà nước. Giúp sinh viên đánh giá được tầm quan trọng của các nội dung liên quan đến lễ tân nhà nước. Thông qua môn học, sinh viên có thái độ tích cực, chủ động nghiên cứu, học hỏi, thực hành để thực hiện đúng với những

		quy định chung về vị trí công tác sau khi tốt nghiệp.
37	Xây dựng và ban hành văn bản QLNN Technical Construction and issuance of State Documentsu MHP: NN12028	Học phần trang bị những vấn đề lý luận cơ bản và chuyên sâu liên quan đến hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Sinh viên biết được hệ thống văn bản phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, các chủ thể có thẩm quyền trong ban hành văn bản quản lý nhà nước; trình tự, thủ tục ban hành văn bản quản lý nhà nước. Các yêu cầu về thể thức và nội dung của văn bản quản lý nhà nước. Củng cố, nâng cao kỹ năng xây dựng, soạn thảo và ban hành văn bản quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Người học có ý thức đúng đắn khi nhìn nhận, đánh giá về tầm quan trọng của xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước; chủ động vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tế liên quan đến xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay.
38	Tổ chức và điều hành công sở Workplace organization and management MHP: NN13037	Học phần cung cấp những hệ thống lý luận cơ bản về công sở, tổ chức hoạt động, điều hành công sở; Các nội dung cơ bản của tổ chức và điều hành công sở; các phương pháp lãnh đạo, quản lý công sở; định hướng và các biện pháp đổi mới điều hành công sở hiện nay. Sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản trong tổ chức và điều hành công sở, từ đó có thái độ tích cực, chủ động trong giải quyết các nhiệm vụ khi làm việc trong các công sở
39	Thủ tục hành chính Administrative Procedures MHP: NN13038	Học phần cung cấp kiến thức chung về thủ tục hành chính với tư cách là nhiệm vụ do các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện để thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước. Hiểu được kiểm soát thủ tục hành chính để đảm bảo nâng cao chất lượng các thủ tục hành chính, tăng mức độ tuân thủ và hiệu lực thực thi thủ tục hành chính. Nắm được các mô hình giải quyết thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính là tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, sách nhiễu Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học về thủ tục hành chính để vận dụng trong quá trình công tác trong các cơ quan, tổ chức sau này. Môn học giúp sinh viên đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thủ tục hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước; Sinh viên có thái độ tích cực, chủ động thực hiện đúng các quy định về thủ tục hành chính trong giải quyết công việc của bản thân và cơ quan công tác.
40	Quản lý nhà nước về kinh tế State management on Economics MHP: NN13039	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; đối tượng, phương pháp nghiên cứu của quản lý nhà nước về kinh tế; nguyên tắc, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, nhà nước hoạch định phát triển kinh tế; nhà nước tạo lập môi trường phát triển kinh tế, nhà nước điều hành hoạt động kinh tế. Thông qua môn học sinh

		viên được trang bị những kỹ năng cơ bản trong quản lý nhà nước về kinh tế, cách thức sử dụng các công cụ điều chỉnh trong điều hành vĩ mô nền kinh tế. Từ đó nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nền kinh tế trong hoạt động quản lý nhà nước. Có tinh thần, thái độ nghiêm túc, trách nhiệm khi tham gia các công việc chuyên môn gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế.
41	Quản lý nhà nước về dịch vụ công State management on Public Service MHP: NN13040	Học phần cung cấp kiến thức liên quan đến những vấn đề chung về dịch vụ công và vai trò của Nhà nước trong quản lý dịch vụ công. Nội dung quản lý nhà nước về dịch vụ công và xu hướng cải cách. Hình thức, công cụ quản lý dịch vụ công. Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Cải cách quản lý dịch vụ công. Học viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong tổ chức, quản lý cung cấp dịch vụ công. Từ đó nâng cao nhận thức về chức năng cung cấp dịch vụ công, một trong những chức năng cơ bản của quản lý hành chính nhà nước.
42	Quản lý nhà nước về xã hội State Management on Society MHP: NN13041	Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu liên quan đến dân tộc, tôn giáo nói chung và quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Học phần còn trang bị cho người học những nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo cũng như công cụ, phương pháp quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo giai đoạn hiện nay; quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo; những phương thức quản lý nhà nước trong quản lý dân tộc và tôn giáo giai đoạn hiện nay. Sinh viên có những kỹ năng cơ bản làm cơ sở để thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trong thực tế như: phân tích, tổng hợp dữ liệu liên quan đến dân tộc và tôn giáo; hoạch định chính sách về dân tộc và tôn giáo; kỹ năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực dân tộc, tôn giáo. Sinh viên chủ động tích cực đóng góp vào nhiệm vụ quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo nói riêng. Cung cấp các lý luận cơ bản về văn hóa, giáo dục và y tế với tư cách là đối tượng của hoạt động quản lý nhà nước. Trang bị những kỹ năng cơ bản làm cơ sở để thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế trong thực tế như: kỹ năng phân tích số liệu; kỹ năng hoạch định chính sách quản lý văn hóa, quản lý giáo dục, quản lý y tế; kỹ năng QLNN đối với các hoạt động văn hóa; các chương trình giáo dục, các chính sách y tế cộng đồng...từ đó người học nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa, giáo dục, y tế trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội. Sinh viên ý thức được rõ vai trò, vị trí của hoạt động quản lý nhà nước về các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế trong quá trình vận động và phát triển kinh tế xã hội các địa phương nói riêng và Việt Nam nói chung; tìm hiểu và áp dụng các văn bản pháp luật vào các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế trên thực tiễn.
	Quản lý nhà nước đối	Học phần giúp sinh viên hiểu và nắm vững những nội dung

43	với các tổ chức phi chính phủ State management on non – governmental Organizations MHP: NN13042	kiến thức về tổ chức phi chính phủ; mối quan hệ của tổ chức phi chính phủ đối với đời sống xã hội và an ninh quốc gia của Việt Nam; các quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước trong quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xem xét, thẩm định, hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ hoạt động đúng mục đích, đúng pháp luật. Học phần giúp sinh viên có thái độ đúng đắn khi thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ, có thái độ đúng đắn khi giải quyết các công việc trong cuộc sống liên quan đến tổ chức phi chính phủ.
44	Xử lý tình huống chính trị Handle political Situations MHP: Đ13043	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phạm vi, phương pháp nghiên cứu xử lý tình huống chính trị; xử lý các điểm nóng chính trị xã hội; Xử lý tình huống chính trị khi có nạn quan liêu, tham nhũng trảm trọng, Xử lý tình huống chính trị khi chuyển giao quyền lãnh đạo giữa các thế hệ trong Đảng Cộng sản cầm quyền. Sinh viên bước đầu được trang bị một số kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống chính trị như biết cách xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc xử lý tình huống. Có khả năng nhận diện bản chất đúng và phân loại đúng tình huống. Có kỹ năng xây dựng và triển khai các kế hoạch xử lý tình huống, có khả năng làm ổn định tình hình và biết cách khắc phục hậu quả, có khả năng dự báo và phòng ngừa có hiệu quả tình huống.
45	Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ - Tài nguyên, môi trường State management on Science – Technology and natural resources - Environment MHP: NN13044	Học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về ngành và lĩnh vực khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường như: khái niệm, đặc trưng về khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường; chủ thể và đối tượng quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường; nội dung và phương pháp quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường. Những kỹ năng cơ bản làm cơ sở để thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường trong thực tế. Sinh viên có thái độ say mê học tập, thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý nhà nước. Chủ động tích cực đóng góp vào nhiệm vụ quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường nói riêng.
46	Nghệp vụ hành chính văn phòng Office Administrative operations MPH: NN13045	Học phần cung cấp những kiến thức thực tế cho sinh viên về công tác quản trị hành chính văn phòng trong một tổ chức cụ thể như quản lý hồ sơ, sắp xếp bố trí công việc, lên kế hoạch thực hiện công việc, soạn thảo văn bản hành chính, xây dựng các biểu mẫu, công tác thư ký giúp việc cho lãnh đạo... Người học có khả năng thực hiện được những công việc cụ thể trong tổ chức Qua môn học này, sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế công việc để thực hiện chuẩn mực các qui định về nhận văn bản đến, quản lý văn bản đi, quản lý con dấu, công tác văn thư, tổ chức công tác lễ tân. Có khả năng đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân, phát hiện lỗi về nghiệp vụ, qui trình thực hiện công

		việc hành chính văn phòng tại công sở nhà nước nói chung, một cơ quan, đơn vị cụ thể nói riêng. Có quan điểm đúng về vai trò của nghiệp vụ hành chính văn phòng và người thực hiện. Từ đó có những hành vi đúng pháp luật, đúng đắn, có trách nhiệm cao khi thực hiện nghiệp vụ.
47	Chính phủ điện tử E – Government MHP: NN12033	Học phần hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về Chính phủ điện tử (CPĐT) như khái niệm về CPĐT, công thông tin điện tử, nắm vững các mô hình giao dịch, các hình thức hoạt động của CPĐT; Chỉ rõ những nhân tố dẫn đến thành công cũng như những nhân tố rủi ro trong việc triển khai chính phủ điện tử. Mô tả thực trạng chính phủ điện tử ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và các nhóm giải pháp nhằm đẩy mạnh tiến trình xây dựng CPĐT. Sinh viên sau khi học có thể khai thác thành thạo các dịch vụ của chính phủ điện tử. Có nhận thức đúng đắn về vai trò của chính phủ điện tử trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước và qua đó tự giác thực hiện các hoạt động cải cách trong lĩnh vực công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính của mình.
48	Thực tập nghề nghiệp lần 1 Professional practice 1 MHP: NN14047	Nội dung: quan sát, tìm hiểu: Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành chính nhà nước các cấp Quan sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức theo từng vị trí việc làm. Qua đó giúp sinh viên tiếp cận thực tiễn, rèn luyện phương pháp, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước ở các địa phương, đơn vị. Qua đó giúp sinh viên từng bước hình thành tình yêu, ý thức đạo đức, tác phong nghề nghiệp của người cán bộ, công chức.
49	Thực tập nghề nghiệp lần 2 Professional practice 2 MHP: NN14048	Quan sát, tìm hiểu: Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, thực hành chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức theo từng vị trí việc làm. Qua đó giúp sinh viên tiếp cận thực tiễn, rèn luyện phương pháp, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước ở các địa phương, đơn vị. Qua đó giúp sinh viên từng bước hình thành tình yêu, ý thức đạo đức, tác phong nghề nghiệp của người cán bộ, công chức.
50	Giao tiếp công vụ Public sector in communication MHP: NN 13049	Môn học giới thiệu và trang bị kiến thức cơ bản về giao tiếp trong môi trường khu vực công làm cơ sở xây dựng, thiết lập mối quan hệ công tác phù hợp, thúc đẩy công việc có hiệu quả. Học viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp công vụ như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình với cấp trên, với công dân, với các cơ quan ngang cấp, với các cơ quan cấp dưới để đạt được các mục tiêu cơ bản trong thực hiện hoạt động công vụ
51	Quản trị địa phương Local governance MHP: NN 13050	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về chính quyền địa phương như khái niệm, đặc điểm; các nguyên tắc trong phân định thẩm quyền cho các cấp CQĐP; cung cấp kiến thức để xác định được mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và

		quản trị địa phương, vai trò của quản trị địa phương trong phát triển kinh tế xã hội. Môn học cung cấp các kỹ năng cơ bản như lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương; quy trình và cơ chế quản trị các nguồn lực ở địa phương. Qua đó tăng cường nhận thức về vai trò của quản trị địa phương, tự ý thức về quyền và trách nhiệm của người học trong tham gia vào quản trị địa phương.
52	Tạo môi trường và động lực làm việc trong khu vực công Create a working environment and motivation in the public sector MHP: NN13051	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tạo lập môi trường và động lực làm việc; giải thích tầm quan trọng của việc tạo động lực và hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc. Người học có khả năng vận dụng kiến thức về tạo lập môi trường và động lực làm việc để xây dựng các kế hoạch hành động nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động trong một tổ chức cụ thể. Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống của tạo lập môi trường và động lực làm việc trong các tổ chức. Người học nhận thức được tầm quan trọng của động lực làm việc trong tổ chức, từ đó coi trọng vấn đề động lực của người lao động trong tổ chức mình sẽ công tác tốt cũng như động lực làm việc của chính bản thân mình;
53	Kiểm soát trong hành chính nhà nước Control in public Administration MHP: NN13052	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm soát và kiểm soát đối với hành chính nhà nước; xác định được các chủ thể tham gia kiểm soát đối với hành chính nhà nước và nội dung của sự kiểm soát đó. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức đã học để bước đầu nhận diện và đánh giá được thực trạng kiểm soát đối với hành chính nhà nước ở Việt Nam, qua đó vận dụng vào thực tiễn công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Thông qua môn học sinh viên có thái độ tích cực, chủ động nghiên cứu, học hỏi, thực hành để thực hiện đúng các quy định và trách nhiệm trong kiểm soát hành chính nhà nước.
54	Cải cách khu vực công Public sector reform MHP: NN13053	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về cải cách khu vực công: Sự cần thiết cải cách khu vực công Cải cách khu vực công ở một số quốc gia trên thế giới; Các nội dung của cải cách khu vực công (cải cách chính quyền trung ương, địa phương; chức năng của chính quyền từ cai trị chuyên sang phục vụ; cải cách doanh nghiệp: cổ phần hóa, tư nhân hóa; sự tham gia của các NGO) Cải cách khu vực công ở Việt Nam; Xã hội hóa dịch vụ công và hợp tác công. Từ đó người học rèn cho mình kỹ năng nhận diện, đánh giá và tác nghiệp cụ thể khi tham gia làm việc trong khu vực công gắn với những vị trí việc làm liên quan đến công tác cải cách trên các lĩnh vực. Môn học góp phần nâng cao nhận thức cho người học về tính tất yếu phải cải cách khu vực công và một tâm thế sẵn sàng khi đối diện với những cải cách, biến đổi của khu vực công.

55	Lập kế hoạch trong Quản lý nhà nước Planning in state management MHP: NN13054	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác lập kế hoạch trong quản lý nhà nước, nắm được cách sử dụng một số kỹ thuật cơ bản trong lập kế hoạch và nhận thức được tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch trong quản lý nhà nước. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học để lập kế hoạch trong đời sống, giải quyết các công việc, nhiệm vụ cụ thể; trên cơ sở đó vận dụng vào quá trình công tác trong các cơ quan, tổ chức gắn với các vị trí, chức danh của cán bộ, công chức nhà nước. Giúp sinh viên đánh giá được vai trò tầm quan trọng của kỹ năng lập kế hoạch trong hoạt động quản lý nhà nước; Sinh viên có thái độ tích cực, chủ động nghiên cứu, học hỏi, thực hành để thực hiện đúng các trình tự, quy định trong giải quyết công việc của bản thân và cơ quan công tác gắn với vị trí việc làm.
56	Thực tập tốt nghiệp Graduation internship MHP: NN14055	Trong học phần này, người học vận dụng kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước cụ thể để thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính quyền nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Từ đó người học có thể tiếp cận với các vấn đề quản lý nhà nước tại cơ sở, đồng thời trực tiếp thực hiện các chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức theo các vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo.
57	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis MHP: NN 15056	Quá trình làm khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba giai đoạn với các nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và phương pháp để triển khai viết khóa luận tốt nghiệp; phần thứ hai sinh viên trực tiếp tiến hành nghiên cứu một vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý nhà nước; phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo khóa luận tốt nghiệp và nộp về khoa, bảo vệ khóa luận trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp.

11. Đánh giá và cải tiến chương trình dạy học

- Thời điểm ban hành Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo:
- + Ban hành Chương trình đào tạo lần đầu: 2018
- + Ban hành Chuẩn đầu ra lần đầu: 2018
- Số lần đã chỉnh sửa:
- + Chương trình đào tạo: 03
- + Chuẩn đầu ra: 04
- Thời điểm chỉnh sửa lần gần nhất: 01/2020
- Các chương trình đào tạo được đối sánh trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa
- + Ngành Quản lý nhà nước Trường Đại học khoa học Huế

- + Ngành Quản lý nhà nước Học viện Hành chính Quốc gia
- + Ngành Quản lý nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra được chỉnh sửa theo quy định 02 năm một lần. Công tác cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo được thực hiện thường xuyên, liên tục theo thực tế.

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng

TRUNG ƯƠNG
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH